

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6 – 29
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo Kết quả kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 29

310
CƠ
• 4/10/2022
• 15/10/2022
• 27/10/2022
4/10/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thể thao ngôi sao GERU, tên giao dịch quốc tế GERU STAR SPORT JOINT STOCK COMPANY; (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thể thao ngôi sao Geru hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004761 ngày 17/5/2006 (đăng ký lần đầu) và thay đổi lần thứ 2 ngày 24/8/2006 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm sản xuất, mua bán các loại dụng cụ thể thao (trừ gia công cơ khí); Mua bán các loại vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất dụng cụ thể thao; Mua bán mũ cao su, nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất độc hại); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi./.

Vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.200.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần. Trong đó :

TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Vốn nhà nước đại diện		1.416.400
	Ông Lê Văn Bình	Số 52 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	
	Ông Trần Đình Mai	Số 48/26D Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
2	Đại diện vốn cổ đông		
-	Ông: Nguyễn Văn Minh, đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai	Trung tâm Xã Xuân Lập, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	200.000
-	Ông: Nguyễn Trọng Cảnh, đại diện Công ty Cao su Bà Rịa	10 - B1 Cư xá 304, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	100.000
-	Ông: Phan Mạnh Hùng, đại diện Công ty Cao su Bình Long	Thị xã Bình Long – Tỉnh Bình Phước	100.000
-	Ông: Nguyễn Phú Hội, đại diện Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	100.000
-	Ông: Nguyễn Tự Cường, đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Cao su Tân Biên	ấp Thạch Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	100.000
-	Ông: Trần Đình Mai	Số 48/26D Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	15.000
-	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	Số 39 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	13.000
-	Ông: Trần Công Bình	Số 298A3 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	12.700
-	Và 94 cổ đông khác		142.900

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty là 1.510.012.748 đồng Việt Nam (lợi nhuận năm trước là 1.591.628.678 đồng Việt Nam).

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HĐQT-CS ngày 27/01/2010 đồng ý lợi nhuận chia cổ tức năm 2009 là 5%. Ngoài thông tin (nếu trên), Công ty chưa có bất kỳ văn bản nào liên quan khác đến việc chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Văn Bình	Chủ tịch
Ông	Trần Đình Mai	Ủy viên
Ông	Nguyễn Văn Minh	Ủy viên
Ông	Nguyễn Tự Cường	Ủy viên
Ông	Nguyễn Phú Hội	Ủy viên
Ông	Phan Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông	Nguyễn Trọng Cảnh	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Nguyễn Văn Y	Trưởng ban
Ông	Hoàng Anh Tuấn	Ủy viên
Bà	Lê Thị Minh Thư	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Trần Đình Mai	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2006
Ông	Nguyễn Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2007
Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 6 năm 2006
Ông	Trần Đại Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2008

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ Công ty, là cổ đông chi phối của Công ty hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2009, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



Lê Văn Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 01 năm 2010

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Đình Mai
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 01 năm 2010



CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM
Viet Nam Auditing and Accounting Consultancy Co., Ltd (AVA)
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Số: 551 /BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được lập ngày 28/01/2010 từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA), Kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo này.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra các cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan.



Bùi Đức Vinh
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0654/KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**
Hà nội, Ngày 29 tháng 01 năm 2010

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1320/KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.342.265.192	26.006.673.573
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		4.348.199.041	1.833.352.246
111	1. Tiền	V.01	4.348.199.041	1.833.352.246
112	2. Các khoản tương đương tiền		0	0
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.319.704.158	16.091.408.966
131	1. Phải thu khách hàng		10.257.362.653	15.030.495.060
132	2. Trả trước cho người bán		614.659.680	200.103.192
135	5. Các khoản phải thu khác	V.02	447.681.825	1.080.810.714
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		0	(220.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho		8.299.072.921	7.344.788.722
141	1. Hàng tồn kho	V.03	8.299.072.921	7.344.788.722
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		0	0
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		375.289.072	737.123.639
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		6.600.000	0
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		170.725.206	440.073.518
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.04	145.663.866	0
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	52.300.000	297.050.121
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.501.129.727	13.989.635.910
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II. Tài sản cố định		12.190.129.727	13.989.635.910
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	11.929.493.843	13.689.060.922
222	- Nguyên giá		25.245.153.227	25.121.475.045
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(13.315.659.384)	(11.432.414.123)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	260.635.884	300.574.988
228	- Nguyên giá		399.392.840	399.392.840
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(138.756.956)	(98.817.852)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		0	0
260	V. Tài sản dài hạn khác		311.000.000	0
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.08	311.000.000	0
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		0	0
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		36.843.394.919	39.996.309.483

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

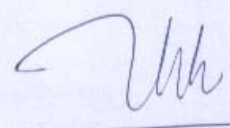
Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		10.854.693.585	15.336.029.518
310	I. Nợ ngắn hạn		9.897.228.089	13.399.901.101
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.09	4.958.000.000	7.958.000.000
312	2. Phải trả người bán		690.655.259	1.293.508.081
313	3. Người mua trả tiền trước		41.819.144	15.256.553
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	512.040.265	82.920.023
315	5. Phải trả người lao động		1.804.694.582	2.027.228.106
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.11	1.890.018.839	2.022.988.338
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
330	II. Nợ dài hạn		957.465.496	1.936.128.417
331	1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
334	4. Vay và nợ dài hạn		957.465.496	1.915.465.496
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		0	20.662.921
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		0	0
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		25.988.701.334	24.660.279.965
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.12	25.874.217.846	24.590.442.011
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		22.000.000.000	22.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		0	0
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		513.897.409	0
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.554.018.569	1.420.076.773
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		283.360.379	189.192.612
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.522.941.489	981.172.626
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		114.483.488	69.837.954
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		114.483.488	69.837.954
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		36.843.394.919	39.996.309.483

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ		126.278,83	50.526,95
- Đồng EUR		1.166,08	616,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			


Người lập biểu
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 01 năm 2010


Kế toán trưởng
Hoàng Thị Bích Thanh


Tổng Giám đốc
Trần Đình Mai

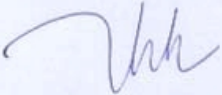


BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính : VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.13	83.925.393.616	98.830.524.184
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.14	981.261.023	1.044.316.672
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.15	82.944.132.593	97.786.207.512
11	Giá vốn hàng bán	VI.16	72.003.763.291	86.806.750.522
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.940.369.302	10.979.456.990
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.17	1.561.155.968	896.948.063
22	Chi phí tài chính	VI.18	289.711.226	394.198.012
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		256.378.588	330.648.505
24	Chi phí bán hàng		4.393.567.919	3.695.981.512
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.779.267.021	6.626.450.225
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.038.979.104	1.159.775.304
31	Thu nhập khác		69.464.529	471.928.980
32	Chi phí khác		33.281.124	40.075.606
40	Lợi nhuận khác		36.183.405	431.853.374
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.075.162.509	1.591.628.678
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	565.149.761	0
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		0	0
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.510.012.748	1.591.628.678
61	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VII.01	686	723


Người lập biểu
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 01 năm 2010


Kế toán trưởng
Hoàng Thị Bích Thanh


Tổng Giám đốc
Trần Đình Mai



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2009

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	90.576.466.346	84.030.306.889
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(70.732.765.816)	(74.711.263.405)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.036.393.624)	(11.266.258.921)
4. Tiền chi trả lãi	04	(281.461.846)	(301.153.655)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(266.456.856)	(2.295.616)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.231.731.176	909.034.454
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(2.927.535.911)	(2.687.883.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20	6.563.583.469	(4.029.513.504)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(123.678.182)	(806.706.857)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.179.029	30.360.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90.499.153)	(776.346.304)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.958.000.000)	(1.958.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(178.095.000)	(627.714.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.136.095.000)	1.414.285.455
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	2.336.989.316	(3.391.574.353)
TIỀN TÒN ĐẦU KỲ	60	1.833.352.246	5.208.707.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	177.857.479	16.219.007
TIỀN TÒN CUỐI KỲ	70	4.348.199.041	1.833.352.246

Phuy

Vnh



Người lập biểu
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng
Hoàng Thị Bích Thanh

Tổng Giám đốc
Trần Đình Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty Sản xuất & Kinh doanh dụng cụ thể thao - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty Cổ phần.

Hoạt động

Công ty Cổ phần Thể thao ngôi sao Geru hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004761 ngày 17/5/2006 (đăng ký lần đầu) và thay đổi lần thứ 2 ngày 24/8/2006 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, mua bán các loại dụng cụ thể thao (trừ gia công cơ khí); Mua bán các loại vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất dụng cụ thể thao; Mua bán mù cao su, nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất độc hại); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi./.

Công ty có trụ sở được đặt tại : Số 01/01 Tân Kỳ Tân Quý, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 083 8 425 110

Fax: 083 8 425 008

Mã số thuế: 0301634641

Email : gerusport - hcm@vnn.vn

Website : www. Gerusport.com

Người đại diện theo pháp luật : Ông Trần Đình Mai Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng chẵn./.).

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Văn Bình	Chủ tịch
Ông	Trần Đình Mai	Ủy viên
Ông	Nguyễn Văn Minh	Ủy viên
Ông	Nguyễn Tự Cường	Ủy viên
Ông	Nguyễn Phú Hội	Ủy viên
Ông	Phan Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông	Nguyễn Trọng Cảnh	Ủy viên

Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban kiểm soát vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Nguyễn Văn Y	Trưởng ban
Ông	Hoàng Anh Tuấn	Ủy viên
Bà	Lê Thị Minh Thư	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Trần Đình Mai	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/4/2006
Ông	Nguyễn Văn Trạng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/01/2007
Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/6/2006
Ông	Trần Đại Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/9/2008

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Công ty đồng thời cũng có chi nhánh Hà Nội đặt tại số 56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Công ty con

Đến thời điểm ngày 31/12/2009, Công ty không có công ty con nào.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể:

- Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ - BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

Trường hợp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Nhóm tài sản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời theo dõi chi tiết ngoại tệ theo từng nguyên tệ và được phản ánh trên tài khoản ngoại tệ.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

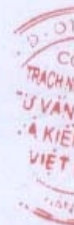
Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí hoặc phân bổ vào chi phí theo quy định. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



6. Nguyên tắc ghi nhận khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính). Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng niên độ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Các khoản chi phí này được theo dõi chi tiết cho từng khoản chi phí.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

NG TV
HUY
TOA
DAN
HUY

Chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động đầu tư được hạch toán và lũy kế đến thời điểm dự án chính thức đi vào hoạt động sẽ được phân bổ vào doanh thu hoặc chi phí theo quy định hiện hành.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi ngân hàng và các khoản cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

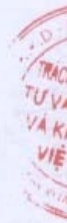
Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.



Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

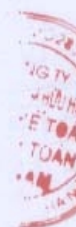
- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



17. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo điều lệ của Công ty và kế hoạch phân phối lợi nhuận do đại hội đồng cổ đông Quyết định hàng năm. Mức trích các quỹ của doanh nghiệp hàng năm được xác định dự kiến như sau:

Trích 5% Quỹ dự phòng tài chính trên tổng lợi nhuận được phân phối.

Trích 10% Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên tổng lợi nhuận được phân phối.

Trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ khoản lợi nhuận được để lại do ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước và phần bổ sung thêm từ lợi nhuận sau thuế được phân phối sau khi đã trích lập Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng – phúc lợi, thanh toán cổ tức cho các cổ đông.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

01. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.207.909.216	264.560.768
Tiền gửi ngân hàng	3.075.715.939	1.568.791.478
Tiền đang chuyển	64.573.886	0
Cộng	4.348.199.041	1.833.352.246

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng mua lẻ	0	14.636.770
Cán bộ CNV vay mua cổ phần	307.170.670	567.128.362
Phải thu hoàn thuế nhập khẩu	0	58.445.876
Người nghèo trả chậm	77.520.000	0
Thu cho vay	26.000.000	120.000.000
Phải thu bảo hiểm xã hội	2.376.280	25.704.196
Phải thu khác	34.614.875	294.895.510
Cộng	447.681.825	1.080.810.714

03. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	0	0
Nguyên liệu, vật liệu	4.086.163.632	3.715.285.424
Công cụ, dụng cụ	414.496.780	30.576.600
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.767.651.798	2.421.463.586
Thành phẩm	764.900.204	888.471.370
Hàng hoá	435.810	435.810
Hàng gửi đi bán	265.424.697	288.555.932
Hàng hoá kho bảo thuế	0	0
Hàng hoá bất động sản	0	0
Cộng giá gốc hàng tồn kho	8.299.072.921	7.344.788.722

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: 0 đồng.

* Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 0 đồng Việt Nam, giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

04. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Tiền phạt	5.333.406	0
Thuế nhập khẩu	138.144.820	0
Thuế môn bài	2.000.000	0
Thuế thu nhập cá nhân	185.640	0
Cộng	145.663.866	0

05. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	0	0
Tạm ứng	52.300.000	297.050.121
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0
Cộng	52.300.000	297.050.121

06. Tài sản cố định hữu hình Chi tiết xem phụ lục số 01 kèm theo**07. Tài sản cố định vô hình**

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm		399.392.840	399.392.840
- Mua trong năm			0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh			0
- Tăng khác			0
- Thanh lý, nhượng bán			0
- Giảm khác			0
Số dư cuối năm	0	399.392.840	399.392.840
Giá trị hao mòn lũy kế			0
Số dư đầu năm		98.817.852	98.817.852
- Khấu hao trong năm		39.939.104	39.939.104
- Tăng khác			0
- Thanh lý, nhượng bán			0
- Giảm khác			0
Số dư cuối năm	0	138.756.956	138.756.956
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	0	300.574.988	300.574.988
- Tại ngày cuối năm	0	260.635.884	260.635.884

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

08. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa	311.000.000	0
Cộng	311.000.000	0
09. Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	4.000.000.000	7.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	958.000.000	958.000.000
Cộng	4.958.000.000	7.958.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	6.345.654	843.048
Thuế tiêu thụ đặc biệt		0
Thuế xuất, nhập khẩu	138.593.535	30.278.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.491.693	51.798.788
Thuế thu nhập cá nhân	16.609.383	0
Thuế tài nguyên		0
Các loại thuế khác		0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		0
* Cộng	512.040.265	82.920.023

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty áp dụng các loại sắc thuế khác như thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân.. theo đúng quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trong năm 2009 Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh chính do chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Diễn giải
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.075.162.509	(1)
Các khoản thu không chịu thuế	0	(2)
Các khoản loại trừ khi tính thuế TNDN	721.203.713	(3)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.796.366.222	(4) = (1)-(2)+(3)
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp (tỷ lệ %)	25	(5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	699.091.557	(6) = (4) x (5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	133.941.796	(7)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	565.149.761	(8) = (6) - (7)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	51.798.788	(9)
* Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	266.456.856	(10)
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm năm trước	0	(11)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	350.491.693	(12) = (8)+(9)-(10)-(11)

Ghi chú:

- Mục số 3 – Các khoản loại trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 721.203.713 đồng bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2008 chuyển sang 373.342.589 đồng và các khoản chi loại trừ khỏi chi phí tính thuế năm 2009 là 347.861.124 đồng.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm với số tiền 133.941.796 đồng (Mục số 7) được bổ sung tăng vốn chủ sở hữu - chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.

11. Các khoản phải trả phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	62.078.325	53.476.013
Phải trả tiền lãi vay	11.875.886	36.959.144
Tài sản thừa chờ xử lý	17.935.048	27.380.223
Phải trả về cổ tức cho các cổ đông	1.137.253.167	1.133.120.000
Các khoản phải trả khác	660.876.413	772.052.958
Cộng	1.890.018.839	2.022.988.338

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

10. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>
Số dư đầu năm trước	22.000.000.000	907.743.883	156.484.891		1.764.967.681
Tăng trong năm trước		512.332.890	32.707.721		1.591.628.678
Giảm trong năm					2.375.423.733
Số dư cuối năm trước	22.000.000.000	1.420.076.773	189.192.612	0	981.172.626
Số dư đầu năm nay	22.000.000.000	1.420.076.773	189.192.612	0	981.172.626
Tăng trong năm nay		133.941.796	94.167.767		1.510.012.748
Giảm trong năm nay					968.243.885
Số dư cuối năm	22.000.000.000	1.554.018.569	283.360.379	0	1.522.941.489

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập - Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	14.164.000.000	14.164.000.000
Cổ đông khác	7.836.000.000	7.836.000.000
Cộng	22.000.000.000	22.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		0
Vốn góp giảm trong năm		0
Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000

d. Cổ tức

* Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HĐQT-CS ngày 27/01/2010 đồng ý lợi nhuận chia cổ tức năm 2009 là 5%. Ngoài thông tin (nêu trên), Công ty chưa có bất kỳ văn bản nào liên quan khác đến việc chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông.

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng Việt Nam/01 Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

d. Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.200.000	2.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại trong kỳ	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	0	0
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.200.000	2.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

e. Các quỹ của Công ty

Trong năm, Công ty đã tiến hành trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và các nguồn quỹ khác từ lợi của Công ty bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (được trích lập tương ứng với số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm), Quỹ dự phòng tài chính (5% từ lợi nhuận được phân phối), Quỹ khen thưởng và phúc lợi (10% từ lợi nhuận được phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	83.925.393.616	98.830.524.184
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0
Cộng	83.925.393.616	98.830.524.184

14. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	956.764.263	797.990.837
Giảm giá hàng bán	3.731.760	0
Hàng bán bị trả lại	20.765.000	246.325.835
Thuế GTGT phải nộp(phương pháp trực tiếp)		0
Thuế tiêu thụ đặc biệt		0
Thuế xuất khẩu		0
Cộng	981.261.023	1.044.316.672

15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần sản phẩm , hàng hoá	82.944.132.593	97.786.207.512
Doanh thu thuần dịch vụ		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng		
Cộng	82.944.132.593	97.786.207.512

16. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	72.003.763.291	86.806.750.522
Giá vốn của thành phẩm đã bán	0	0
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	0	0
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	0	0
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	0	0
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	0	0
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Cộng	72.003.763.291	86.806.750.522

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

17. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.440.514	30.360.553
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		0
Cổ tức, lợi nhuận được chia		0
Lãi bán ngoại tệ	1.498.341.541	388.062.515
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.373.913	105.182.406
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		373.342.589
Lãi bán hàng trả chậm		0
Doanh thu hoạt động tài chính khác		0
Cộng	1.561.155.968	896.948.063

18. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	256.378.588	330.648.505
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		0
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		0
Lỗ do bán ngoại tệ	0	40.004.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.332.638	23.544.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		0
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		0
Chi phí tài chính khác		0
Cộng	289.711.226	394.198.012

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**01. Lãi Cơ bản trên mỗi cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của cổ đông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành là 2.200.000; được xác định như sau:

Ngày	Giao dịch	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu b/quân
01/01/2009	Đầu kỳ	2.200.000	10.000	22.000.000.000	2.200.000
	Phát hành thêm cổ phiếu	0	0	0	0
	Mua lại Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	2.200.000		22.000.000.000	2.200.000

Số ngày lưu hành trong kỳ được tính theo ngày thực tế trong năm tài chính 2009



$$\text{Lãi cơ bản trên cổ phiếu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ}}$$

$$\text{Lãi cơ bản trên cổ phiếu} = \frac{1.510.012.748}{2.200.000} = 686$$

02. Số liệu so sánh

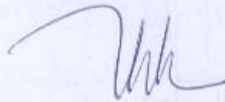
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp với số liệu so sánh của năm nay.

VIII. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được Ban Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 28/01/2010.



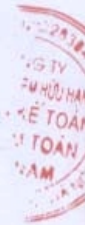
Người lập biểu
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 01 năm 2010



Kế toán trưởng
Hoàng Bích Thanh



Tổng Giám đốc
Trần Đình Mai



Phụ lục : 01

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính : VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.726.640.468	12.355.980.271	2.054.240.259	664.311.892	1.320.302.155	25.121.475.045
Mua trong năm		27.951.000		95.727.182		123.678.182
Đầu tư XD CB hoàn thành						0
Tăng khác						0
Chuyển sang BĐS đầu tư						0
Thanh lý, nhượng bán						0
Giảm khác						0
Số dư cuối năm	8.726.640.468	12.383.931.271	2.054.240.259	760.039.074	1.320.302.155	25.245.153.227
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.079.054.317	5.945.141.676	275.824.213	273.392.246	859.001.671	11.432.414.123
Khấu hao trong năm	520.868.569	998.429.808	196.116.026	83.903.582	83.927.276	1.883.245.261
Tăng khác						0
Thanh lý, nhượng bán						0
Giảm khác						0
Số dư cuối năm	4.599.922.886	6.943.571.484	471.940.239	357.295.828	942.928.947	13.315.659.384
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4.647.586.151	6.410.838.595	1.778.416.046	390.919.646	461.300.484	13.689.060.922
Tại ngày cuối năm	4.126.717.582	5.440.359.787	1.582.300.020	402.743.246	377.373.208	11.929.493.843